



N KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN VĂN HỌC

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

**TRUYỆN VIẾT CHO THIẾU NHI
TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM**

*LUẬN ÁN PHÓ TIẾN SĨ VĂN HỌC
(Tóm tắt)*

HÀ NỘI — 1980

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN VĂN HỌC

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

TRUYỆN VIẾT CHO THIẾU NHI
TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

L 819t

LUẬN ÁN PHÓ TIẾN SĨ VĂN HỌC
(Tóm tắt)

HÀ NỘI - 1980

Luận án này được hoàn thành tại Viện Văn học—Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, dưới sự hướng dẫn của đồng chí Vũ Đức Phúc, Phó viện trưởng Viện Văn học.

Cơ quan nhận xét luận án:

Viện Văn học — Ủy ban khoa học xã hội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án của Nhà nước ngày tháng năm 1980.

Địa điểm bảo vệ:

Các bản nhận xét xin gửi về Viện Văn học—Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, 20 Lý Thái Tổ, Hà Nội.

Cơ quan nhận xét

PHẦN MỞ ĐẦU

I — MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Cách mạng tháng Tám thành công, dưới sự chăm sóc và bồi dưỡng của Đảng và Bác Hồ, một nền văn học thật sự giành cho thiếu nhi của chúng ta ra đời, trở thành một bộ phận quan trọng của sáng tác văn học nói chung. Nó góp phần cùng nhà trường, gia đình, đoàn thể giáo dục lớp lớp các thế hệ thiếu nhi lớn lên trở thành lớp người phục vụ tích cực cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đối tượng của nền văn học ấy là tất cả con em nhân dân lao động thuộc mọi tầng lớp, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi và miền núi.

Truyện, thơ, kịch viết cho thiếu nhi mỗi ngày một phát triển. Tất cả mọi lứa tuổi đều có sáng tác thích hợp với nhu cầu riêng, và tâm sinh lý riêng của mình; và ở mỗi lứa tuổi hiện nay đều đã có những tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

Truyện đóng vai trò chính trong toàn bộ sáng tác cho các em. Nói như vậy không phải coi nhẹ các thể loại khác như thơ, kịch...nhưng chúng ta không thể không nhận thấy truyện với khả năng phản ánh xã hội trong phạm vi rộng lớn của nó, với sự phong phú của các dạng loại biểu đạt và mô tả, và với tính phổ cập của nó, có khả năng giúp cho các em nhận thức cuộc sống, trau dồi tư tưởng tình cảm và năng lực thẩm mỹ một cách tương đối toàn diện hơn.

Việc nghiên cứu truyện cho thiếu nhi giúp ta phân biệt và hiểu sâu thêm sự khác nhau giữa văn học của người lớn và cho thiếu nhi, qua đó thấy rõ đặc điểm của văn học thiếu nhi.

Việc nghiên cứu truyện cho thiếu nhi còn góp phần cung cấp cho các bậc cha mẹ, các thầy cô giáo, các đồng chí phụ trách thiếu nhi, các nhà sáng tác và nghiên cứu phê bình hiểu sâu thêm về thế giới trẻ con, đặc biệt là thế giới tâm hồn của thiếu nhi Việt Nam; và từ đó sẽ có thêm kinh nghiệm giáo dục các em.

II—LỊCH SỬ VẤN ĐỀ

Trước Cách mạng tháng Tám, từ những năm 30 bắt đầu có ít nhiều truyện viết cho thiếu nhi và trên một số báo cũng lúc lúc có đăng một vài bài ngắn đánh giá truyện viết cho thiếu nhi. Đáng chú ý là bài *Văn chương Sách Hồng An nam*, trên báo *Ngày nay*, tháng 12-1939 của Nhóm *Tự lực văn đoàn*. Bài này nêu lên yêu cầu phải có sáng tác riêng cho các em, không nên đề cho các em đọc sáng tác của người lớn, nhất là những sáng tác không lành mạnh. Nhưng nhìn chung, do sáng tác cho thiếu nhi còn quá ít, phương hướng viết cho các em còn tùy tiện, nên việc phê bình sáng tác cho các em không được coi trọng.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, và chủ yếu từ sau 1954, khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, khi nền văn học viết cho thiếu nhi thật sự phát triển thì việc nghiên cứu, phê bình sách thiếu nhi mới thật sự được chú ý. Tuy số lượng bài phê bình nghiên cứu chưa nhiều, nhưng những cố gắng trên từng mặt, đề đánh giá và khái quát từng chặng đường phát triển của văn học thiếu nhi, nêu lên những đặc điểm và yêu cầu riêng đối với sáng tác cho thiếu nhi cũng đã được thể hiện qua một số bài viết trên các báo chí văn hóa, văn nghệ (1).

Nhưng cho đến nay, mặc dù các bài trên đều có đề cập đến tất cả các vấn đề đặt ra cho văn học thiếu nhi, phần lớn vẫn là những bài ngắn đánh giá sơ sài một truyện nào đó; vẫn chưa có một chuyên đề nào nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình phát triển của truyện nói chung, hoặc đi sâu vào các loại truyện phong phú, khác nhau, giúp cho bạn đọc nắm được vấn đề một cách toàn diện.

Để góp phần bổ sung vào chỗ thiếu đó, chuyên đề này nghiên cứu các loại truyện viết cho thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám đến 1975, nhằm mục đích một mặt nhìn lại tổng quát quá trình phát triển qua các giai đoạn của truyện viết cho các em dưới chế độ mới, mặt khác, đi sâu vào một số loại truyện khác nhau, qua việc chọn lọc và đánh giá những sáng tác tiêu biểu, đề rút ra những yêu cầu và đặc trưng riêng của mỗi loại truyện.

(1) Có thư mục kèm theo.

III—PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Theo dõi đề tìm hiểu các chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ đối với thiếu nhi, ý kiến của các đồng chí lãnh đạo đối với công tác giáo dục và văn nghệ thiếu nhi, đặc biệt là ý kiến của Hồ Chủ tịch. Tìm hiểu nội dung những cuộc hội nghị về truyện cho thiếu nhi, rút ra những nguyên tắc, ý kiến làm cơ sở tham khảo cho việc đánh giá. Khái quát một số nét về truyện viết cho thiếu nhi trước Cách mạng tháng Tám để so sánh về đặc trưng của truyện dưới hai chế độ và nêu bật những đặc điểm lớn nhất của truyện cho thiếu nhi dưới chế độ mới.

—Nghiên cứu, chọn lựa đề lấy những tác phẩm tiêu biểu nhất (hoặc tác phẩm có vấn đề—hay hoặc dở—cần được chú ý phân tích và rút kinh nghiệm), tìm hiểu kỹ về mọi phương diện các tác phẩm đó, xác định giá trị của nó theo quan điểm lịch sử, trong quá trình phát triển riêng biệt của từng thể loại truyện và trong phạm trù truyện nói chung.

—Làm tư liệu từng tác phẩm tiêu biểu: tóm tắt nội dung, có nhận xét đánh giá về các mặt nội dung, nghệ thuật. Gặp tác giả và các đồng chí có quan tâm đến văn học thiếu nhi trao đổi ý kiến tìm hiểu về quá trình sáng tác các tác phẩm đó, cũng như về những vấn đề chung đang đặt ra trong phong trào sáng tác cho thiếu nhi.

—Nghiên cứu các bài phê bình, tiểu luận, ý kiến phát biểu về văn học thiếu nhi trên các báo, tạp chí văn hóa, văn nghệ. Tìm hiểu các vấn đề đang được đặt ra. Chú ý ghi lại các ý kiến quan trọng, có tính chất phát hiện. Nghiên cứu một số thư từ các em viết cho tác giả hoặc nhà xuất bản, cùng nhiều ý kiến của các em qua các cuộc điều tra tại phòng đọc sách một số thư viện, đề tìm hiểu tâm lý, thị hiếu, nhu cầu của các em đối với văn học thiếu nhi nói chung và truyện nói riêng.

—Tìm hiểu và cố gắng tổng kết vấn đề, theo quan điểm lịch sử, theo rõ từng giai đoạn, phân tích các mặt. Chú ý đi sâu vào tác phẩm tiêu biểu.

PHẦN TÓM TẮT NỘI DUNG

Chương I: MẤY VẤN ĐỀ CHUNG

I—Nhìn lại truyện viết cho thiếu nhi trước Cách mạng tháng Tám.

Trong kho tàng văn học dân gian cổ truyền nước ta có nhiều sáng tác dành riêng cho các em, cũng có nhiều sáng tác của người lớn nhưng đồng thời vẫn thích hợp với thiếu nhi. Nền văn học dân gian giáo dục các em biết phân biệt thiện, ác theo quan điểm của nhân dân và bồi dưỡng lý tưởng thẩm mỹ cho các em. Có thể nói văn học dân gian là một trong những nguồn chính nuôi dưỡng cho văn học thiếu nhi phát triển; vì ở nước ta cũng như ở nhiều dân tộc, nhân dân lao động rất coi trọng đến sáng tác truyện kể cho thiếu nhi.

Lúc nào và ở đâu, thiếu nhi cũng cần có văn nghệ. Nhưng ngoài kho tàng văn học dân gian cổ truyền thì tùy từng thời đại, từng chế độ mà văn học viết cho thiếu nhi có địa vị khác nhau.

Dưới chế độ phong kiến, giai cấp phong kiến ít chú ý đến sáng tác văn nghệ thực sự cho thiếu nhi. Họ chỉ muốn dùng văn chương để viết một số sách giáo khoa đào luyện các em, ngay từ nhỏ, theo khuôn mẫu của kỹ cương phong kiến. Có thể nói dưới chế độ phong kiến, ngoài văn học dân gian, không có sáng tác phục vụ cho thiếu nhi thực đúng chức năng của nó, mà chỉ có một ít sách giáo huấn đạo đức.

Do chịu ảnh hưởng của nền văn học phương Tây, chủ yếu khi giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị phát triển, cần có sách văn nghệ cho con em họ đọc, khỏi phải đọc tiểu thuyết của người lớn, cho nên từ 1920 đến 1945 nhiều sách viết cho các em được xuất bản. Trước khi các loại sách viết cho các em ra đời, thì có một số báo chí cũng đã đăng những bài viết cho các em, trong đó phần lớn là truyện cổ tích hay truyện của thiếu nhi châu Âu được phỏng dịch. Lại có cả loại sách *Le livre du petit* bằng tiếng Pháp bắt chước loại sách *Les*

livres roses pour la Jeunesse (Sách hồng cho tuổi trẻ của nhà xuất bản Larousse) nhưng nội dung phần lớn là truyện cổ tích Việt Nam.

Nhóm Tự lực văn đoàn cho xuất bản loại Sách Hồng, tên loại sách cũng rập khuôn cái tên *Livres roses* của nhà xuất bản Pháp nói trên nhưng có chú ý nhiều đến truyền thống văn học dân gian của dân tộc và chú ý đến tính nghệ thuật của sáng tác. Ngoài Sách Hồng còn có sách Hoa Mai, Hoa Xuân...

Đối tượng phục vụ của các loại sách này, chủ yếu là con em tư sản, tiểu tư sản thành thị, công chức.

Đề tài của truyện nghèo nàn, số lớn khai thác truyện cổ tích thần thoại. Những truyện lấy đề tài hiện đại thường tách rời cuộc sống thực của nhân dân lao động và chỉ bó hẹp trong đời sống nhà trường, gia đình của những con nhà có tiền của, không phải lao động vất vả. Nhưng cũng có một số nhà văn hiện thực như Tú Mỡ, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Tô Hoài, Bùi Hiền... viết cho các em những truyện lành mạnh và có giá trị, trong số đó *Dế mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài có thể nói là kiệt tác.

Nhìn chung, trước Cách mạng tháng Tám, tuyệt đại đa số nhân dân lao động mù chữ; con em nhân dân lao động thường phải vật lộn với miếng cơm manh áo, nên sách cho thiếu nhi, trong tình trạng ít ỏi và kém cỏi của nó, không đến được với lớp người này. Chỉ có một số ít thiếu nhi nói chung ở các tầng lớp trên là có điều kiện đọc. Nhưng các em thiếu sách, lại ham đọc, nên loại sách nào xuất bản cũng được các em đọc ngấu ngấm. Tác hại của những truyện dở đối với thiếu nhi không phải là nhỏ.

Ngoài các sách cho thiếu nhi như đã nói trên còn có tờ báo *Cậu ấm cô chiêu*. Ngay cái tên tờ báo cũng chứng tỏ nó viết cho đối tượng nào. Trong nhiều bài của tờ báo, con em nhà lao động được gọi là thằng «thằng Vá», «thằng Vếu», còn đám con nhà giàu thì là «cô», là «cậu».

Có thể nói trước Cách mạng tháng Tám chưa có một nền văn học viết cho thiếu nhi.

2 — Chế độ mới và văn học cho thiếu nhi.

Điềm lại những chỉ thị, ý kiến phát biểu, công tác tổ chức, việc làm của Đảng và Chính phủ từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay nhằm đưa tới sự hình thành và phát triển mạnh mẽ một nền văn học thiếu nhi cân đối, hoàn chỉnh như ta thấy hiện nay.

Một số sự kiện đáng chú ý:

Năm 1948, Hội văn nghệ Việt Nam thành lập đã có ngay một bộ phận chuyên về thiếu nhi do đồng chí Tô Hoài phụ trách.

1956, Bộ Giáo dục phối hợp với Đoàn thanh niên lao động tổ chức một cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi.

Tháng 6-1957, Nhà xuất bản Kim Đồng được thành lập, tạo điều kiện thuận lợi để văn học thiếu nhi phát triển. Đảng và Nhà nước khuyến khích bằng mọi cách sáng tác cho thiếu nhi. Ngay giá sách cho các em cũng bán rất rẻ so với các loại sách khác của người lớn.

Trong những năm chống Mỹ ác liệt, sách cho thiếu nhi vẫn ra đều. Đảng đã phát động cuộc vận động sáng tác văn học nghệ thuật cho thiếu nhi những năm 1966—1968.

Ngày 20-11-1967, lần đầu tiên một trại sáng tác cho thiếu nhi do Hội nhà văn phối hợp với Nhà xuất bản Kim Đồng tổ chức.

Bồi dưỡng lực lượng viết cho các em và bồi dưỡng những mầm non văn nghệ trong hàng ngũ các em luôn luôn là mối quan tâm của Đảng, và qua sự trưởng thành về số lượng và chất lượng của đội ngũ đó, chúng ta có thể giải thích được rõ ràng sự phát triển mạnh mẽ và những đóng góp xuất sắc của nền văn học mới vào sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ chúng ta, qua các giai đoạn cách mạng.

Bác Hồ mà cả cuộc đời Người dành trọn vẹn cho sự nghiệp của dân tộc, cũng là người hết sức chăm lo cho thiếu nhi. Dù bận trăm công nghìn việc, nhưng Người vẫn dành thì giờ viết thư, làm thơ, sáng tác cho các em. Bởi vậy, cần phải nghiên cứu các ý kiến của Bác, và nhất là phần văn thơ Bác viết dành riêng cho thiếu nhi trong một mục riêng.

3 — «Ai yêu các nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh»

Nói Bác Hồ với thiếu nhi là nói đến một tình yêu rất mực thâm thiết, nồng hậu của người cách mạng, nói đến một nội dung, và phương pháp giáo dục đúng đắn, khoa học, và từ đó nói đến một sự gợi mở, khơi nguồn, chỉ hướng đúng đắn cho văn học thiếu nhi phát triển.

Tình thương yêu của Bác đối với thiếu nhi (trong nước và nước ngoài) không chỉ là một tình yêu trẻ thông thường. Nó là một tình cảm cách mạng sâu sắc, rộng lớn, xuất phát từ một chủ nghĩa nhân đạo cộng sản cao cả, với ý thức rõ rệt thiếu nhi là người chủ tương lai của đất nước, là người trực tiếp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Những gì Bác viết đều có nội dung giáo dục rõ ràng, gắn bó với yêu cầu cách mạng và tình hình cụ thể của mỗi giai đoạn. Điềm lại những bài thơ, bức thư Bác viết cho các em từ *Kêu gọi thiếu niên, Trẻ chăn trâu* hồi Tiền khởi nghĩa đến các bài Bác viết sau này nhân những dịp khai trường, năm mới, tết Trung thu, nhân những bước goặt của cách mạng để thấy tình cảm cách mạng vĩ đại của Bác, luôn có ý thức chăm sóc các thế hệ trẻ, hướng các em vào việc trau dồi các phẩm chất cần thiết để trở thành người có ích cho xã hội, trong một lối phô diễn rất mực giản dị, dễ hiểu.

Đặc biệt đi sâu vào nội dung Năm điều dạy của Bác, được chính thức nêu từ 1961:

*Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào
Học tập tốt, lao động tốt
Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt
Giữ gìn vệ sinh
Thật thà dũng cảm*

Chú ý, nội dung trên thật ra đã được Bác nêu từng phần ngay từ 1951 và 1955 trong Thư gửi các em; và đến 1966, lại được Bác sửa đổi và chính thức hoàn chỉnh như ta thấy hiện nay:

*Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào
Học tập tốt, lao động tốt
Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt
Giữ gìn vệ sinh thật tốt
Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm*

Chính Năm điều dạy của Bác đã gây nên một phong trào hành động sôi nổi, rộng lớn, liên tục trong các thế hệ thiếu nhi Việt Nam, dưới nhiều hình thức phong phú: phong trào nghìn việc tốt, kế hoạch nhỏ, hợp tác xã Măng Non, nuôi trâu bò khỏe, vì miền Nam ruột thịt... Nhiều gương tốt thiếu nhi xuất hiện; hàng trăm cháu có thành tích xuất sắc đã được Bác thưởng huy hiệu; hơn hai triệu được bầu là cháu ngoan Bác Hồ.

« Năm điều dạy » của Bác đã trở thành nội dung cơ bản cho công tác giáo dục và đào luyện thiếu nhi về mặt đạo đức con người mới của gia đình, nhà trường, Đoàn, Đội...; và do vậy cũng đã trở thành mục tiêu, phương hướng và nội dung cơ bản cho văn học thiếu nhi dưới chế độ mới.

4— Các giai đoạn phát triển của truyện viết cho thiếu nhi.

— 1945—1954: Chặng đầu của văn xuôi cho thiếu nhi.

Tờ báo *Thiếu sinh* năm đầu sau Cách mạng.

Những truyện viết cho thiếu nhi đầu tiên, trong hoàn cảnh hết sức gian khổ của kháng chiến chống Pháp, như *Chiến sĩ canô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Hoa Sơn* của Tô Hoài; *Chú Giao làng Seo*(1) của Nguyễn ~~Đào~~ tuy nội dung còn đơn giản, nhưng cũng đã có tác dụng nhất định trong việc bồi dưỡng tình cảm yêu nước cho các em, và đặt cơ sở đầu tiên cho sự hình thành một nền văn học thực sự cho thiếu nhi.

—1954—1965: thời kỳ phát triển của truyện viết cho thiếu nhi.

Từ 1954 đến 1960 ngoài một số ít truyện viết về lịch sử và sinh hoạt, số lớn còn là truyện dịch và cổ tích; nhưng từ sau 1960, đề tài dần dần trở nên phong phú, và hình thành nhiều loại truyện khác nhau, trong đó đáng chú ý là truyện viết về truyền thống đấu tranh chống xâm lược, truyện cổ tích, đồng thoại, và truyện khoa học.

Một số nhân vật truyện (chủ yếu là các nhân vật có thực) đã trở thành nhân vật điển hình, có tác dụng nêu gương tốt cho các em noi theo, như Kim Đồng, Vũ A Dính...

—1965—1975: Truyện viết cho thiếu nhi phát triển mạnh mẽ về mọi mặt trong giai đoạn cả nước chống Mỹ:

Một loạt đề tài trước đây còn ít được chú ý nay thực sự phát triển mạnh như đề tài hoạt động cách mạng của các chiến sĩ công sản trong các hồi ký, đề tài lịch sử, đề tài về cuộc chiến đấu mới ở miền Nam, về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đặc biệt là về con người mới, về nhà trường xã hội chủ nghĩa, và Đội thiếu niên tiên phong.

Truyện đồng thoại, qua một số thành công bước đầu như *Cô bé 20*, *Chuyện chú trồng choai*, chứng tỏ đồng thoại không những có khả năng thể hiện cuộc sống mới, mà còn có thể phản ánh kịp thời những vấn đề sốt dẻo của hiện thực.

Nhưng trong so sánh chung thì loại cổ tích (cải biên) và truyện khoa học còn yếu. Sáng tác mới hoặc cải biên lại truyện cổ tích như thế nào? Phát triển truyện khoa học, nhất là truyện khoa học viễn tưởng như thế nào để thực sự có ích và gây được hứng thú cho các em còn là vấn đề cần bàn.

Cùng với quá trình mở rộng phong phú của đề tài, của loại hình, sự tiến bộ của nghệ thuật viết truyện cũng là dấu hiệu đáng chú ý.

(1) Các truyện in trong kháng chiến không hề năm xuất bản.

Có truyện mang đậm chất anh hùng ca như loại truyện viết về truyền thống yêu nước chống ngoại xâm.

Giàu chất thơ như đồng thoại.

Đi dóm, tươi vui, mang đậm cách cảm nghĩ của các em như loại truyện viết về sinh hoạt.

Giàu chất mạo hiểm và gợi được sự hứng thú, khả năng mơ ước cho các em như loại truyện khoa học, truyện viết về đất nước tươi đẹp.

Sự phát triển của truyện viết cho thiếu nhi ở nhiều địa phương trong phong trào văn nghệ địa phương, ngay trong khói lửa chiến tranh cũng là đóng góp của giai đoạn này.

Nhìn tổng quát, cho đến nay, nền văn học thiếu nhi của chúng ta đã có đủ các loại truyện viết cho nhiều lứa tuổi.

Truyện tranh cho lứa tuổi nhỏ.

Cổ tích, đồng thoại, và loại truyện khai thác đề tài trong văn học dân gian cho lứa tuổi mới đến trường.

Các loại truyện, đặc biệt là truyện lịch sử, truyện về đề tài cách mạng, truyện viết về cuộc sống trước mắt.

Truyện viết cho lứa tuổi lớn, sắp chuyển sang giai đoạn trưởng thành và những khó khăn riêng của nó, trong nội dung các vấn đề xã hội được đề cập, và trong phương thức biểu hiện của nó.

Chương II— CÁC LOẠI ĐỀ TÀI CHÍNH VÀ CÁC LOẠI TRUYỆN CHÍNH VIẾT CHO THIẾU NHI

I — Truyện lịch sử

Sự cần thiết có mặt và phát triển của đề tài lịch sử trong một nền văn học thiếu nhi. Tác dụng của nó. Ý kiến của Gơ-rơ-ki.

Những nét chính xác định sự phân biệt văn học viết về đề tài lịch sử cho thiếu nhi và cho người lớn. Theo ý riêng trước hết là yêu cầu của chức năng giáo dục, và sự chú ý đến đặc trưng nghệ thuật sao cho phù hợp với tâm lý, sinh lý các lứa tuổi thiếu nhi.

Một số ý chính.

Trong khi truyện lịch sử viết cho người lớn có thể đề cập tổng rai mọi mặt của đời sống quá khứ thì truyện viết cho thiếu nhi lại chỉ nên giới hạn trong những sự kiện lịch sử, những nhân vật anh hùng đã được lịch sử đánh giá rõ ràng. Còn những sự kiện đang còn gây tranh cãi, những nhân vật lịch sử quan

trọng nhưng có tính cách quá phức tạp chưa được đánh giá một cách chính xác hoặc ý kiến còn chưa nhất trí, có lẽ chưa nên vội giới thiệu cho các em.

Truyện lịch sử viết cho người lớn có thể « hư cấu » nhiều, dưới những dạng thức và mức độ khác nhau, nhưng truyện lịch sử viết cho các em, mặc dù có hư cấu nhưng trước hết cần tôn trọng sự chính xác của các sự kiện lịch sử các chi tiết về sự việc, tháng năm nếu không thì các em sẽ lẫn lộn hư cấu và sự thật.

Điềm lại quá trình phát triển của truyện về đề tài lịch sử cho thiếu nhi.

Đề tài lịch sử chống Trung Quốc xâm lược, và một số chiến công lớn của dân tộc qua khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu... và đặc biệt là đời Trần, ở thế kỷ 13, với cuộc chiến đấu chống Nguyên Mông, và thế kỷ 18, với chiến công của Quang Trung. Đáng chú ý là các sáng tác *Kể chuyện Quang Trung* (1960), *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (1960) của Nguyễn Huy Tưởng, *Tướng quân Nguyễn Chí* (1962), *Bên bờ Thiên Mạc* (1967), *Trên sông truyền hịch* (1973), *Đôi bạn chiến đấu* (1974), *Trăng nước Chương Dương* (1975) của Hà Ân, *Sóng gió Bạch Đằng* (1961), *Người lão bộc của vua Quang Trung* (1963), *Tiếng trống Mê Linh* (1973) của An Cương, *Nhụy Kiều tướng quân* (1963) của Yên Hồng, Hoài Ban, tập tranh truyện *Sát thát* (1971) của Lê Văn, Nguyễn Bích...

Một số giai đoạn và sự kiện lớn khác của lịch sử cũng có được chú ý mô tả, tuy chưa thật đậm.

Đề tài lịch sử chống thực dân Pháp xâm lược cũng có mặt trong sáng tác, qua một số tác phẩm như *Nghĩa quân sông Đà* (1963), *Mưu trí Đề Thám* (1968) của Mai Hạnh, *Chôn Soái* (1964) của Quách Thọ, *Pháo đài trên đồng nước* (1963) của Mộng Lục, *Nguyễn Trung Trực* (1964) của Hà Ân.

Nhận xét chung về thành tựu của truyện lịch sử, đồng thời kết hợp nêu một số ý kiến có tính chất tranh luận như vấn đề « hư cấu » và chân thật lịch sử trong hoàn cảnh ta, vấn đề nhân vật thiếu nhi và nhân vật người lớn, vấn đề nghệ thuật viết sao cho sinh động, vấn đề ngôn ngữ lịch sử, vấn đề ảnh hưởng và quần chúng...

2 — Truyện về đề tài kháng chiến chống đế quốc xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đây là đề tài có nhiều tác phẩm xuất sắc, xây dựng được những hình tượng thiếu nhi anh dũng, tiêu biểu cho tinh thần bất khuất của dân tộc, khẳng định được những đóng góp của nhiều thế hệ thiếu nhi vào sự nghiệp cách mạng.

Nhiều truyện mô tả hình ảnh các em làm liên lạc như trong *Em bé bên bờ sông Lai Vu* (1958) của Vũ Cao, *Vừ A Dính* (1963), *Kim Đồng* (1974) của Tô Hoài, hoặc hoạt động trong lòng địch như *Con gái người bán chim* (1963) của Nguyễn Kiên, *Chỗ cây đa làng* (1964) của Võ Quảng, *Ghènh và sông* (1973) của Văn Linh...

Với *Đội thiếu niên du kích Đình Bảng* (1968) của Xuân Sách, văn học thiếu nhi có được một sáng tác tương đối dài hơi, xây dựng một hình ảnh tập thể thiếu nhi anh hùng hoạt động trong lòng địch.

Viết về cuộc chiến đấu trên địa bàn miền Nam Tở quốc, *Đất rừng phương nam* (1957) của Đoàn Giỏi là một đóng góp nổi bật. Thiên truyện giàu sức khơi gợi tình yêu quê hương qua nhiều bức tranh sinh hoạt và chiến đấu của vùng quê Nam Bộ với tất cả sắc thái riêng của nó. *Cái thắng* của Võ Quảng giới thiệu với các em tinh thần bảo vệ trâu bò của thiếu nhi khu 5 cũng rất được các em ưa thích.

Một số sáng tác viết về người thực như *Đoàn Văn Luyện* (1967) của Phạm Hồ, *Hồ Văn Mên* (1969) của Lâm Phương, *Chú bé Cà Xên* (1973) của Minh Khoa, *Út Tám* (1975) của Ngô Thông.

Nhìn chung đây là đề tài có nhiều truyện xúc động do nội dung dồi dào chất anh hùng, và cốt truyện thường có nhiều tình tiết ly kỳ—phù hợp với tâm lý hiếu động, ưa mạo hiểm ở các em. Chỗ còn yếu ở đề tài này là còn chưa nói được nhiều về sự đóng góp của thiếu nhi trên nhiều lãnh vực khác ở hậu phương, trên các khu tự do, vùng giải phóng.

3— Truyện về đề tài lao động, học tập và một số mặt sinh hoạt khác của các em.

Đề tài hiện đại phải là bộ phận chủ yếu trong văn học thiếu nhi, nhằm phản ánh sinh hoạt sôi nổi của các em, chủ yếu trên các mặt học tập, lao động và vui chơi, qua đó đem lại cho các em những bài học có ý nghĩa giáo dục, theo Năm điều dạy của Bác Hồ.

Có mấy hướng viết chính như sau:

— *Truyện về đề tài lao động thể hiện dưới nhiều dạng khác nhau:*

Qua việc theo dõi các phong trào của thiếu nhi, người viết khai thác một số khía cạnh bổ ích và thể hiện nó sao cho phù hợp với tâm lý của mỗi lứa tuổi.

Ở lứa tuổi nhỏ, với những thành công, đáng chú ý như *Ngày công đầu tiên của cu Tý* (1958) của Bùi Hiền, *Những cô tiên áo nâu* (1963) của Hoàng Anh Đường.

Ở lứa tuổi lớn, với *Tổ tâm giao* (1960) của Trần Thanh Địch, *Quỳnh xóm cháy* (1965) của Bùi Hiền, *Bí mật miếu Ba Cô* (1961) của Văn Trọng, *Cơn bão số 4* (1966) của Nguyễn Quỳnh.

Một số chủ đề mới được đề cập và giải quyết tốt như vai trò của Đội, tác dụng của tập thể trong cuộc sống các em, ý thức làm chủ cuộc sống và tình yêu quê hương, những khó khăn đặt ra cho các em trên bước đường trưởng thành...

Tuy truyện còn bị hạn chế trong khả năng bao quát rộng rãi nhiều mặt, nhiều lĩnh vực cuộc sống, nhưng một số mảng chính của đời sống đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là mảng sống nông thôn đã được mô tả khá đạt, qua một số tác phẩm tiêu biểu như bộ ba: *Bí mật miếu Ba Cô*, *Câu chuyện trên Đầm Đông* (1963), *Em Sao* (1974) của Văn Trọng.

Trong yêu cầu xây dựng cho các em một quan điểm lao động và ý thức phục vụ đúng đắn, việc ghi lại những tấm gương của các anh hùng lao động và chiến sĩ thi đua, của những con người mới quả có ý nghĩa quan trọng. *Cô bé 20* (1966) của Văn Biên, *Đất gọi* (1972) của Nguyễn Văn Tập là những đóng góp tốt về mặt này.

Cố nhiên truyện viết cho các em không chỉ đơn thuần ca ngợi cái tốt, cái đẹp. Việc phê phán cái xấu, cái dở cũng cần thiết. Có điều, những khám phá của truyện về mặt này còn chưa phong phú, chưa sâu, nên tác dụng nhận thức và giáo dục của truyện nhìn chung còn yếu.

— *Truyện về đề tài học tập.*

Đề tài học tập là bộ phận quan trọng trong các sáng tác viết về sinh hoạt của các em. Ở một số sáng tác thành công truyện thường xoay quanh mấy chủ đề chính sau đây:

— Phê phán tính lười biếng, vô kỷ luật ở một số em.

— Nhiều truyện, dưới những hình thức khác nhau phản ánh sinh hoạt vui chơi lành mạnh của các em dưới mái trường xã hội chủ nghĩa.

Điềm lại một số sáng tác về đề tài này đều thấy thành tựu và bước tiến khá rõ: *Mái trường thân yêu* (1964) của Lê Hoan, *Lớp học* (1964) của Lê Minh, *Chú bé sợ toán* (1965) của Hải Hồ, *Năm thứ nhất* (1965) của Minh Giang, *Bí mật số 5* (1966) của nhiều tác giả, *Trên đất Cẩm Bình* (1968) của Văn Hồng, *Những tia nắng đầu tiên* (1971) của Lê Phương Liên, *Cuộc phiêu lưu của những con chữ* (1975) của Trần Hoài Dương.. Đặc biệt dừng lại phân tích *Mái trường thân yêu* như một thành công tiêu biểu: Truyện viết về quá trình

sửa chữa khuyết điểm của một em bé tự kỷ. Quá trình đó diễn ra một cách tự nhiên, không cường điệu, giả tạo. Ngoài sự nỗ lực bản thân của em, người viết làm nổi bật vai trò đồng viên, hỗ trợ của tập thể và cô giáo chủ nhiệm.

Điều đáng chú ý ở loại đề tài này là hình ảnh các đồng chí phụ trách, hoặc các thầy, cô chủ nhiệm tuy xuất hiện không nhiều, nhưng đóng vai trò quan trọng trong sự trưởng thành của các em.

Nhìn chung truyện về đề tài học tập của các em đã phong phú nhiều về, qua đó người viết có điều kiện đề ra một số vấn đề có tác dụng giáo dục.

Nghệ thuật miêu tả trong nhiều truyện cũng hấp dẫn do sự khám phá những đề tài mới, do ý thức khai thác các chủ đề khác nhau, do lối viết dí dỏm, vui tươi phù hợp với tâm lý, sinh lý các em.

— *Truyện ca ngợi những con người mới, những thiếu nhi gương mẫu trong chiến đấu, học tập và lao động.*

Có hai cách viết:

— Một loại hoàn toàn ghi lại những sự kiện, những con người một cách trung thực như loại *Việc nhỏ nghĩa lớn*.

— Một loại viết về người thực dưới dạng truyện hoặc truyện thơ có hư cấu với mức độ khác nhau.

Về loại sách viết về người thực dưới dạng có hư cấu đã có nhiều cách mô tả khác nhau: *Lớn lên nhờ cách mạng* (1965) Phùng Thế Tài kể, Ngọc Tự ghi, *Những năm tháng không quên* (1974) của Nguyễn Ngọc Ký viết theo thể tự sự.

Hoa Xuân Tứ (1967) của Quang Huy lại được viết dưới hình thức truyện với lối viết dí dỏm, khỏe khoắn. Qua *Những năm tháng không quên* và *Hoa Xuân Tứ*, tác giả muốn chứng minh một điều: tuy bị tàn tật nhưng với tình thương yêu của tập thể, với nghị lực bản thân, các em vẫn lạc quan yêu đời, vẫn trở thành những con người có ích cho xã hội.

Không giống với những truyện trên, *Cô bé 20* của Văn Biên viết về anh hùng chăn nuôi Hồ Giáo lại được thể hiện dưới hình thức đồng thoại với nhiều chất thơ nhưng không vì thế mà mất đi tính chân thực, giản dị.

Loại sách viết về danh nhân khoa học không những các em yêu thích mà ngay cả người lớn cũng say mê.

Một số kinh nghiệm được rút ra qua một số truyện trên:

— Viết về người thực, phải biết chọn cách thể hiện thế nào cho phù hợp nhất với tính cách và hoàn cảnh nhân vật.

— Không nên thần thánh hóa nhân vật. Không nên bịa đặt, cường điệu những chi tiết đề cao nhân vật một cách quá đáng. Tất nhiên người viết không nên lệ thuộc hoàn toàn vào tư liệu mà phải có sáng tạo, nhưng sáng tạo không phải là bịa đặt, thêm bớt tùy tiện.

Ngoài truyện viết về người thực, còn có một số truyện khác cũng đáng chú ý như:

Bé Ly và chú công nhân chữa điện (1959) của Bùi Minh Quốc, *Anh công dân mới khu gang thép* (1962) của Lê Minh, *Nơi xa* (1964) của Văn Linh, *Chú bé sợ toán* (1965) của Hải Hồ, *Nửa chuyến đi xa* (1973) của Nguyễn Thành Long, *Hải đảo xa xôi* (1963) của Hải Hồ... đưa các em vào sinh hoạt của công nhân, bộ đội, thanh niên xung phong.

Bàn tay gieo hạt (1969) của Định Hải, *Một nhà khoa học yêu nước* (1973) của Đức Hoài nêu lên phẩm chất cao quý của những người trí thức hết lòng phục vụ nhân dân.

Một số truyện như *Đi tìm việc tốt* (1966) của Phong Thu, *Em bé và bông hồng* (1963) của Trần Hoài Dương, *Chú gấu con đi đánh Mỹ* (1969) của Bích Thuận, *Bao giờ con lớn* (1975) của Xuân Quỳnh, *Trong rừng để gai* (1974) của Nguyễn Thị Ngọc Tú đóng góp vào việc giáo dục cho các em đạo đức và cách cư xử ở đời.

4 — Truyện tranh cho lứa tuổi nhỏ

Truyện tranh chủ yếu nhằm phục vụ cho các em ở lứa tuổi nhỏ, tư duy còn đơn giản, thích những gì thật cụ thể, dễ hiểu.

Truyện tranh đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa tranh và truyện. Truyện phải gọn, nhưng phải là một truyện ngắn hoàn chỉnh, không phải chỉ dùng lời để thuyết minh cho tranh. Tranh phải sinh động, đẹp. Tranh và truyện bổ sung cho nhau, tạo nên một khối thống nhất, tác động trực tiếp đến suy nghĩ và tình cảm bạn đọc nhỏ tuổi.

Điềm lại một số tranh truyện tiêu biểu, để thấy đề tài tranh truyện không hề bị giới hạn. Nó có thể đề cập từ đề tài lịch sử như *Sát thát* đến truyện tranh về con người mới và các anh hùng chiến sĩ thi đua, như *Cả nước một lòng*, *Còn Cỏ anh hùng*.

Cách phổ diễn của truyện tranh thích hợp với đề tài viết về người thật việc thật; điều này được chứng minh qua thành công của một số truyện tranh về các nhân vật như Cù Chính Lan, Bi Năng Tắc, Nguyễn Văn Trỗi, Đoàn Văn Luyện... Điều

cần rút kinh nghiệm là một mặt cần rút ra cho được những nét điển hình ở nhân vật, mặt khác phải tôn trọng tính chân xác của chi tiết, sự kiện.

Đề tài đồng thoại và cổ tích cũng rất phù hợp với truyện tranh như trong: *Chú lợn đất* (1959) của Thy Ngọc, *Chú Mây* (1960) của Trần Cận và Trương Qua, *Cây khế* (1962) của Trần Thị Mỹ, Lê Huy Hòa, *Quả dưa đỏ* (1965) của Cẩm Thanh, Nguyễn Bích, *Cá rô ron không vàng lời mẹ* (1969) của Văn Hồng, *Cá đuối cò* (1975) của Nguyễn Thị Vân Anh... Với chất liệu này tác giả cố thể sử dụng phương pháp khoa trương hoặc nhân cách hóa để giới thiệu với các em chất kỳ diệu và chất thơ trong cổ tích, đồng thoại. Việc cho phép sử dụng một cách phóng khoáng những màu sắc tươi sáng, rực rỡ cũng là một ưu thế ở loại này.

Chất vui, chất trí tuệ, khả năng gây cười, gợi những bất ngờ thú vị cũng là một yêu cầu quan trọng của truyện tranh qua kinh nghiệm thành công của một số truyện tranh trong nước và nước ngoài. Đây là mặt còn yếu trong tình hình truyện tranh của ta nói chung.

5— Truyện khoa học

Yêu cầu đối với truyện khoa học chủ yếu là nhằm bồi dưỡng cho các em thế giới quan duy vật và lòng yêu khoa học, rèn luyện cho các em tính sáng tạo, và làm phong phú trí tưởng tượng của các em.

Truyện khoa học còn phải đánh thức trong các em niềm ham thích đi vào khoa học.

Cần chú ý sự phân biệt sách khoa học viết cho thiếu nhi và sách phổ biến tri thức khoa học thông thường. Ở đây yêu cầu về nghệ thuật đòi hỏi người viết phải biết cách phổ diễn các tri thức đó bằng hình tượng văn nghệ, cốt truyện lý thú, bằng lời văn sinh động dễ hiểu.

Do yêu cầu và đặc trưng như trên người viết truyện khoa học ngoài việc phải nắm được chính xác tri thức khoa học còn phải có khả năng mô tả, biết dùng những câu chuyện có tình tiết hay, hình tượng sinh động, ngôn ngữ giản dị, ngắn gọn.

Diễn lại quá trình phát triển của truyện khoa học cho thiếu nhi: tuy số lượng còn ít ỏi, chất lượng chưa cao; nhưng cũng đã có được một số thành tựu bước đầu nhằm trang bị cho các em một số kiến thức phổ thông, và kích thích lòng ham hiểu biết ở các em.

Động viên những cố gắng bước đầu trong yêu cầu hướng dẫn các em đi sâu vào thế giới chung quanh qua một số

truyện như *Cuộc đời chìm nổi của chú kíp lê* (1960) của Vũ Cận, *Bước ngoặt lịch sử* (1963) của Phạm Ngọc Toàn, *Đố con* (1965) của Thùy Dương, *Ông than đá* (1969) của Việt Linh, *Bí mật một khu rừng* (1973), của Hoàng Bình Trọng, *Những kẻ thù nhỏ bé* (1975) của Trần Quán Anh... Và đừng lại phân tích kỹ hơn truyện *Lũ bướm đêm* (1963) của Thế Vũ, đề rút ra một số kinh nghiệm thành công và thất bại.

6 — Tìm hiểu đặc điểm của đồng thoại.

Tìm nghĩa của đồng thoại để xác định nội dung và đặc trưng của nó: Là một thể loại đặc biệt có sự kết hợp giữa hiện thực và ảo tưởng, nhân vật chính thường là thế giới loài vật hoặc cây cỏ, nhưng lại được nhân cách hóa, nhằm cho các em liên hệ, suy nghĩ về thế giới người.

Nhìn chung tính chất mơ tưởng hoặc khoa trương chính là những yếu tố không thể thiếu được trong đồng thoại.

Sự giống nhau và những điểm khác nhau giữa đồng thoại, huyền thoại và văn học dân gian.

Xung quanh vấn đề yêu cầu kết hợp giữa ảo tưởng và hiện thực cần chú ý tránh một số xu hướng sau:

— Giàu chất mơ tưởng nhưng lại tách rời cuộc sống thực tế.

— Sử dụng yếu tố mơ tưởng một cách tùy tiện theo ý niệm của tác giả, bỏ qua đặc điểm riêng của sự vật.

— Chú ý đến tính chất biểu tượng hai mặt của đồng thoại— để tránh gây hiểu nhầm.

Phân tích một vài đồng thoại nổi tiếng trên thế giới và trong nước như một số tác phẩm của An-dec-xen, thơ đồng thoại của Put-skin, *Cuộc đời gian khổ của chú hành* của Bô-da-ri, *Hòn đá nóng* của Gai-đa, *Dế mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài để chứng minh sự gắn bó giữa hiện thực và ảo tưởng, cùng sức hấp dẫn đặc biệt ở đồng thoại.

Điềm lại một số sáng tác đồng thoại từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay nhằm chứng minh đồng thoại có những đóng góp đáng kể và triển vọng của đồng thoại (có thể phản ánh mọi mặt trong hiện thực).

Nó có thể ca ngợi cuộc sống mới, con người mới ví như *Chim chích lạc rừng* (1961) của Tô Hoài, *Cái mai* (1967) của Võ Quảng, *Hải đảo xa xôi* (1963) của Hải Hồ.

Nó có thể dùng để mô tả một cách sinh động sinh hoạt của các em như *Cái tết của mèo con* (1961) của Nguyễn Đình Thi, *Trăng rơi xuống giếng* (1961) của Đào Vũ, *Ánh sáng trong rừng hạnh phúc* (1964) của Hoàng Anh Đường, *Bác sĩ sơn dương* (1973) của Xuân Vinh, Ngô Đình Dương.

Nó có thể dùng đề thể hiện một nội dung khoa học nhằm trang bị một số kiến thức cho các em như *Ông than đá* của Viêt Linh, *Lũ bướm đêm* của Thế Vũ, *Đỗ con* (1965) của Thùy Dương, *Những kẻ thù nhỏ bé* của Trần Quán Anh, *Cô kiến trinh sát* (1972) của Vũ Kim Dung...

Ngoài các đề tài trên, còn phải chú ý loại đề tài mà lâu nay người ta vẫn nghi hoặc: không biết đồng thoại có phản ánh được những con người mới, những tấm gương anh hùng trong cuộc sống sản xuất và chiến đấu của nhân dân ta hay không? *Cô bé 20* của Văn Biền, *Chuyện chú trống choai* của Hải Hồ đã bước đầu giải quyết được những băn khoăn đó.

Tóm lại đồng thoại không những có thể phản ánh mọi mặt của đời sống hiện thực, nó còn có thể đem lại cho nội dung đó hơi thở của thời đại.

Chương III — MỘT SỐ TÁC GIẢ TIÊU BIỂU

1 — Nguyễn Huy Tưởng:

Là nhà văn có quá trình sáng tác đều đặn cho thiếu nhi, tuy không nhiều, nhưng những gì được viết ra đều có giá trị, do ý thức trách nhiệm cao đối với sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, và do sự dụng công trong nghệ thuật mô tả.

Cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của nhà văn nói chung là truyền thống anh hùng của dân tộc, do vậy đề tài lịch sử là đề tài được anh quan tâm trước hết cho thiếu nhi, qua hai tác phẩm tiêu biểu *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* và *Kể chuyện Quang Trung*.

Từ thành công của hai sáng tác tiêu biểu giúp ta rút ra một số kinh nghiệm quý về đề tài lịch sử: Mục đích giáo dục có cản trở việc nêu những mặt hạn chế của các anh hùng ngày xưa không? Tôn trọng tính chân thực lịch sử và sáng tạo như thế nào.

Mảng sáng tác về cổ tích, hoặc lịch sử dưới dạng cổ tích của Nguyễn Huy Tưởng cũng đáng chú ý với sự kết hợp giữa chất hiện thực và huyền ảo như trong *An Dương Vương xây thành ốc*, *Con cóc là cậu ông Trời*, *Tìm mẹ*.

Những đặc sắc trong bút pháp nghệ thuật của Nguyễn Huy Tưởng: phong cách anh hùng ca như là phong cách chủ đạo, có kết hợp với yếu tố trữ tình; lối kể chuyện tự nhiên, nặng về mô tả hành động và khả năng dựng những chi tiết gây ấn tượng sâu; ngôn ngữ nhân vật phù hợp với tính cách...

2 — Tô Hoài:

Thông qua tuyển tập chọn lọc viết cho thiếu nhi của Tô Hoài để xem xét những đóng góp của nhà văn vào nền truyện viết cho thiếu nhi.

Năm được yêu cầu giáo dục của mỗi lứa tuổi mà mỗi lứa tuổi anh đều có sáng tác tiêu biểu, vận dụng nhiều cách viết, đề cập nhiều loại đề tài, từ đồng thoại, truyện viết về chiến đấu, đến truyện viết về nhiều mặt sinh hoạt trong đời sống xây dựng chủ nghĩa xã hội...

Bút pháp sinh động, khả năng quan sát tinh tế, vận dụng nhiều cách mô tả, kể chuyện khác nhau để kích thích nhu cầu hiểu biết, và đi sâu vào tâm lý, tính cách, hành động nhân vật, chất thơ, chất chữ tình dào dạt... truyện của Tô Hoài thường gây hứng thú cho các em; và cho đến nay anh vẫn là một trong số ít cây bút được các em yêu thích nhất.

3 — Võ Quảng:

Võ Quảng là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi, với ý thức trách nhiệm cao. Cả thơ và truyện anh đều có những thành công tiêu biểu. Anh luôn có dụng ý lấy việc giáo dục tình thương làm mục tiêu chính cho sáng tác của mình.

Trong các truyện của Võ Quảng, tình thương là động lực đem lại cho con người sức mạnh, là nguồn sưởi ấm, đem đến cho cuộc sống ánh sáng và niềm vui.

Giáo dục tình yêu lao động là ý đồ chính Võ Quảng muốn đem lại cho các em trong đồng thoại *Cái mai*. Tình yêu quê hương, đất nước là chủ đề thẩm thía như trong *Quê nội*.

Đặc sắc nghệ thuật ở Võ Quảng là sự am hiểu khá sâu tâm lý tuổi thơ. Anh luôn có ý thức hướng các em về cái đẹp, cái đẹp của lý tưởng, của tình yêu thương giai cấp, tình yêu thiên nhiên. Nhân vật của anh chủ yếu là chính diện. Là người rất nghiêm túc trong cách viết, ngôn ngữ Võ Quảng thường trong sáng, ngắn gọn. Là nhà thơ, nên văn anh sẵn chất thơ. Nếu thơ anh chủ yếu hướng về lứa tuổi nhỏ, thì truyện của anh lại nhằm vào lứa tuổi sắp trưởng thành. Hướng vào lứa tuổi này, truyện của anh có sức gợi vấn đề, nhưng lại không nhiều những phát hiện ngộ nghĩnh, nên còn ít gây được những hứng thú bất ngờ.

KẾT LUẬN: Tóm tắt những thành tựu chính và nêu lên một số kinh nghiệm.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

- I — Mục đích nghiên cứu.
- II — Lịch sử vấn đề.
- III — Phương pháp nghiên cứu.

PHẦN TÓM TẮT NỘI DUNG

Chương I: Mấy vấn đề chung

- 1 — Nhìn lại truyện viết cho thiếu nhi trước Cách mạng tháng Tám.
- 2 — Chế độ mới và văn học cho thiếu nhi.
- 3 — « Ai yêu các nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh ».
- 4 — Các giai đoạn phát triển của truyện viết cho thiếu nhi.

Chương II: Các loại đề tài chính và các loại truyện chính viết cho thiếu nhi

- 1 — Truyện lịch sử.
- 2 — Truyện về đề tài kháng chiến chống đế quốc xâm lược dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- 3 — Truyện về đề tài lao động, học tập và một số mặt sinh hoạt khác của các em.
- 4 — Truyện tranh cho lứa tuổi nhỏ.
- 5 — Truyện khoa học.
- 6 — Tìm hiểu đặc điểm của đồng thoại

Chương III : Một số tác giả tiêu biểu

- 1 — Nguyễn Huy Tưởng
- 2 — Tô Hoài
- 3 — Võ Quảng

**NỘI DUNG CỦA LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRÊN
MỘT SỐ BÀI VIẾT VÀ THAM LUẬN SAU ĐÂY :**

1— Trên tạp chí :

—*Văn học thiếu nhi Việt Nam; Tập san Nghiên cứu văn học; số 6-1962.*

—*Truyện viết cho thiếu nhi gần đây; Tạp chí văn học; số 6, tháng 12-1963.*

—*Đọc «Lũ bướm đêm» của Thế Vũ; Tạp chí văn học; số 6-1964.*

—*Giới thiệu lớp «Măng tằm vông» trong chiến đấu ở miền Nam; Tạp chí văn học; số 8-1965.*

—*Qua một số sáng tác cho thiếu nhi trong cao trào chống Mỹ; Tạp chí văn học; số 8-1967.*

—*Bước đi lên của văn học thiếu nhi; Tạp chí văn học; số 5-1975.*

—*Truyện viết về cuộc trước mắt cho các em; Tạp chí văn học; số 5-1976.*

2— Sách và Kỷ yếu :

—*Kỷ yếu 20 năm Sách Kim Đồng; NXB Kim Đồng; 1977.*

—*Văn học Việt Nam chống Mỹ cứu nước; Phần bốn; chương 16 và chương 17; NXB Khoa học xã hội; 1979.*

Tham luận khoa học :

—*Viện Văn học: Hội nghị khoa học cuối năm; 1978, 1979.*

—*Viện Nghệ thuật sân khấu: Bàn về đề tài lịch sử; 1979.*